

Số: 95/2020/QĐST-HNGĐ

Cao Phong, ngày 22 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 103/2020/TB-TLVA ngày 17 tháng 11 năm 2020, về việc " Ly hôn " giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phùng Huyền T, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Khu 2 thị trấn C, huyện C, tỉnh H.
- Bị đơn: Anh Vương Như T, sinh năm: 1988; thôn X, xã T, huyện C, thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về án phí, lệ phí của Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 12 năm 2020

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Phùng Huyền T và Anh Vương Như T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phùng Huyền T và Anh Vương Như T, thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung:

Giao cháu Vương Như P sinh ngày 01/3/2016 cho Anh Vương Như T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Vương Như T chưa yêu cầu chị Phùng Huyền T phải cấp dưỡng nuôi con nên chị Phùng Huyền T chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung.

Các đương sự thống nhất thỏa thuận: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.4. Công nợ chung:

Các đương sự thống nhất thỏa thuận: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí:

Chị Phùng Huyền T tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003876 ngày 17/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Trả lại cho Chị Phùng Huyền T số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HB;
- Chi cục THADS huyện CP;
- Đương sự;
- VVKSND CP;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án. N

THẨM PHÁN

